

TUẦN 13

TOÁN (TĂNG)

LUYỆN TẬP: TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC SỐ

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù:

- củng cố quy tắc tính giá trị của biểu thức khi chỉ có các phép tính cộng, trừ hoặc nhân, chia.

- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. Đồ dùng dạy học

- Phiếu học tập, bảng phụ

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động 1. Củng cố kiến thức

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Tính nhanh: $27 - 7 - 10 = ?$

+ Câu 2: Tính nhanh: $20 : 2 \times 3 = ?$

+ Câu 3: Tính nhanh: $45 : 5 \times 2 = ?$

+ Câu 4: Tính nhanh: $265 - 65 + 50 = ?$

- GV Nhận xét, tuyên dương.

- **Chốt:** quy tắc tính giá trị của biểu thức khi chỉ có các phép tính cộng, trừ hoặc nhân, chia

Hoạt động 2. Thực hành

(GV phát phiếu HT)

Bài 1. Tính:

$$8 \times 6 + 20 = \dots\dots$$

$$= \dots\dots$$

- HS tham gia trò chơi

$$+ 27 - 7 - 10 = 10$$

$$+ 20 : 2 \times 3 = 30$$

$$+ 45 : 5 \times 2 = 18$$

$$+ 265 - 65 + 50 = 250$$

- HS lắng nghe.

$$8 \times 5 - 17 = \dots\dots$$

$$= \dots\dots$$

- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc cá nhân vào PHT
- Tổ chức báo cáo.

Gv chốt: *Nếu trong biểu thức có các phép tính cộng trừ, nhân, chia thì ta thực hiện các phép tính nhân chia trước; rồi thực hiện các phép tính cộng, trừ sau.*

Bài 2: Tính

$$123g + 45g - 20 \text{ kg} = \dots\dots\dots$$

$$=$$

$$6 \text{ g} \times 5 - 10 \text{ kg} = \dots\dots\dots$$

$$=$$

$$77g - 57g + 10 \text{ kg} = \dots\dots\dots$$

$$=$$

$$28g : 4 + 10 \text{ kg} = \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc cặp đôi vào PHT
- Tổ chức báo cáo.

Gv chốt: *Nếu trong biểu thức có các phép tính cộng trừ, nhân, chia thì ta thực hiện các phép tính nhân chia trước; rồi thực hiện các phép tính cộng, trừ sau.*

Bài 3: Mỗi bao thóc cân nặng 30kg, mỗi bao ngô cân nặng 50 kg. Hỏi 3 bao thóc và 1 bao ngô cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

- GV gọi HS đọc đề bài
- Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?
- GV cùng HS tóm tắt:

Bao thóc: 30 kg

- HS nêu yc.
- HS làm việc cá nhân vào PHT
- HS liên tiếp báo cáo kết quả:

Kết quả:

$$8 \times 6 + 20 = 48 + 20$$

$$= 68$$

$$8 \times 5 - 17 = 40 - 17$$

$$= 23$$

- HS nêu yc.
 - HS làm việc cặp vào PHT
- HS lên bảng viết lại kết quả.

- HS đọc đề bài
- HS trả lời
- HS cùng GV tóm tắt bài toán

Bài giải

3 bao thóc cân nặng là:

$$30 \times 3 = 90 \text{ (kg)}$$

Bao ngô: 50 kg

3 bao thóc và 1 bao ngô: ...kg?

- GV yêu cầu HS làm bài vào vở bài tập
- GV chiếu bài 1-2 HS, gọi HS đọc bài làm của mình.

- GV mời HS khác nhận xét bài của bạn.

- GV nhận xét, tuyên dương.

3 bao thóc và 1 bao ngô cân nặng là:

$$90 + 50 = 140 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 140 kg

- HS nhận xét bài bạn

HS lắng nghe

Bài 4: Viết các biểu thức sau rồi tính giá trị của mỗi biểu thức (Làm việc cá nhân)

a) 47 trừ đi 7 rồi cộng với 60

b) 9 nhân với 4 rồi chia cho 9

- GV cho HS đọc đề bài

- HS làm bài vào vở bài tập

- GV gọi HS đọc bài làm của mình

- HS khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét, chốt Đ/S

- Nhận xét tiết học.

Hoạt động 3. Vận dụng

- Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì?

- Nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà ôn lại bài.

- HS đọc đề bài

- HS làm bài

- HS đọc bài làm của mình

- HS nhận xét bài bạn

HS lắng nghe

TOÁN (TĂNG)

LUYỆN TẬP: TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC SỐ

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố quy tắc tính giá trị của biểu thức khi có dấu ngoặc.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. Đồ dùng dạy học

Bảng phụ

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động 1. Củng cố kiến thức

- GV tổ chức trò chơi “Nhà thông thái” để khởi động bài học.

- Câu 1: Tính: $20 : (7 - 5) = ?$

A. 50 B. 2 C. 10

- Câu 2: Tính: $(45 - 25) : 5 = ?$

A. 115 B. 4 C. 120

- GV Nhận xét, tuyên dương.

- **GV chốt**: Củng cố quy tắc tính giá trị của biểu thức khi có dấu ngoặc.

Hoạt động 2. Thực hành

Bài 1. Tính:

$$6 \times (4 + 5) = \dots\dots$$

$$= \dots\dots$$

$$18 : (25 - 22) = \dots\dots$$

$$= \dots\dots$$

- Cho HS nêu yêu cầu bài
- Cho HS làm việc cá nhân vào vở
- Tổ chức báo cáo.

Nhận xét.

- **GV kết luận**: Khi tính giá trị của các biểu thức có dấu ngoặc đơn () thì trước tiên ta thực hiện các phép tính trong ngoặc.

Bài 2: Chọn chữ đặt trước câu trả lời đúng:
(Làm việc chung cả lớp)

Cho biểu thức $63 : (65 - 58) \times 2$. Thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức đó là:

A. Nhân, chia, trừ B. Trừ, chia, nhân
C. Trừ, nhân, chia D. Chia, trừ, nhân

- GV gọi HS đọc đề bài
- GV yêu cầu HS suy nghĩ làm bài

- HS tham gia trò chơi

+ Câu 1: C

+ Câu 2: B

- HS lắng nghe..

- HS nêu yc.

- HS làm việc cá nhân vào vở
- HS liên tiếp báo cáo kết quả:

Kết quả:

$$6 \times (4 + 5) = 6 \times 9$$

$$= 54$$

$$18 : (25 - 22) = 18 : 3$$

$$= 6$$

- HS đọc đề bài
- HS làm bài

- HS trình bày bài làm
- Các HS khác nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét, tuyên dương
- Con thực hiện tính như thế nào?

- GV nhận xét, tuyên dương

Bài 3: (Bảng phụ) Mỗi chuồng gà có 10 con gà, mỗi chuồng thỏ có 50 con . Hỏi 4 chuồng gà và 1 chuồng thỏ có tất cả bao nhiêu con?

- GV gọi HS đọc đề bài
- Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?
- GV cùng HS tóm tắt:

Chuồng gà: 10 con

Chuồng thỏ: 50 con

3 chuồng gà và 1 chuồng thỏ : ...con?

- GV yêu cầu HS làm bài vào vở
- GV chiếu bài 1-2 HS, gọi HS đọc bài làm của mình.
- GV mời HS khác nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 4: Chọn dấu (+, -, x, :) hoặc dấu ngoặc () vào vị trí thích hợp để biểu thức có giá trị đúng: (Làm việc nhóm đôi)

$$9 : ? \times 5 = 15$$

$$? : 3 \times 7 = 42$$

$$5 \times 8 : ? = 10$$

$$30 : 3 \times ? = 50$$

- GV gọi hs đọc đề bài
- Yêu cầu các nhóm làm bài vào phiếu học tập
- Gọi các nhóm trình bày bài
- Các nhóm nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét, tuyên dương

Hoạt động 3. Vận dụng

- Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì?
- Nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà ôn lại bài.

- Nêu bài làm
- HS nhận xét
- HS lắng nghe
- Thực hiện trong ngoặc trước, sau đó thực hiện từ trái sang phải

- HS đọc đề bài
- HS trả lời
- HS cùng GV tóm tắt bài toán

Bài giải

4 chuồng gà có số con là:

$$10 \times 4 = 40 \text{ (con)}$$

4 chuồng gà và 1 chuồng thỏ có số con là:

$$40 + 50 = 90 \text{ (con)}$$

Đáp số: 90 con gà và thỏ

- HS nhận xét bài bạn
- HS lắng nghe

- Hs đọc đề bài
- Hs làm việc nhóm đôi
- Đại diện các nhóm trình bày

Các nhóm nhận xét, bổ sung

Tiếng Việt (tăng)

ÔN CÁCH ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI: Ở ĐÂU?

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù

- Ôn tập cách đặt và trả lời câu hỏi: ở đâu?
- Xác định được bộ phận trả lời câu hỏi Ở đâu?. Trả lời được các câu hỏi Ở đâu? liên quan đến bài Ông tổ nghề thêu.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: góp phần bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc
- Phẩm chất nhân ái: biết học tập, noi gương những tấm gương lao động.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. Đồ dùng dạy học: Bảng phụ viết bài tập.

III. Hoạt động dạy học

Hoạt động 1. củng cố kiến thức

- Những từ ngữ, cụm từ trả lời câu hỏi: ở đâu là những từ, cụm từ chỉ gì? Lấy VD.
- GV nhận xét.
- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV chốt: *Cụm từ chỉ địa điểm là cụm từ trả lời cho câu hỏi Ở đâu. Nó có thể đứng đầu câu, cuối câu hoặc giữa câu.*

- HS trả lời.
- HS lấy ví dụ.
- Nhận xét.

Hoạt động 2. Thực hành

Bài 1: Đặt câu hỏi có cụm từ **ở đâu** cho mỗi câu sau :

- Giữa cánh đồng, đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ.
 - Chú mèo mướp vẫn nằm lì bên đồng tro ấm trong bếp.
 - Tàu Phương Đông buông neo trong vùng biển Trường Sa.
- YC HS thảo luận nhóm đôi làm bài.

- HS đọc bài nêu yêu cầu.

- HS thảo luận theo nhóm đôi; đại diện 1 số nhóm trình bày bài.

Ở đâu đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ ?

GV nhận xét

=> *Chốt cách cách đặt và trả lời câu hỏi: ở đâu?*

Bài 2: Gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi: Ở đâu?

- a. Lê Quý Đôn quê ở Thái Bình.
- b. Trên cánh đồng, bà con nông dân đang thu hoạch vụ lúa chiêm.
- c. Bên kia sườn núi, nhấp nhô mây ngôi nhà sàn.

+ Những từ ngữ, cụm từ trả lời câu hỏi: ở đâu là những từ, cụm từ chỉ gì?

- GV nhận xét, chữa bài.

=> *Củng cố về bộ phận trả lời câu hỏi ở đâu?*

Bài 3: Đọc bài: Ông tổ nghề thêu và trả lời câu hỏi:

- a. Trần Quốc Khái quê ở đâu?
 - b. Ông học được nghề thêu ở đâu?
 - c. Để tưởng nhớ công lao của Trần Quốc Khái, nhân dân lập đền thờ ông ở đâu?
- YC HS đọc thầm lại bài Ông tổ nghề thêu và trả lời.

- GV nhận xét, biểu dương nhóm HS làm tốt.

=> *Củng cố cách trả lời câu hỏi Ở đâu?*

Hoạt động 3. Vận dụng

- Bộ phận trả lời câu hỏi ở đâu? Là những từ ngữ chỉ gì?
- Nhắc HS ôn bài .

Chú mèo mướp vẫn nằm lì ở đâu ?

Tàu Phương Đông buông neo ở đâu ?

- HS nhóm khác nhận xét bổ sung.

- HS đọc bài nêu yêu cầu.

- HS làm vở; 1 số HS trình bày.

a. Lê Quý Đôn quê ở Thái Bình.

b. Trên cánh đồng, bà con nông dân đang thu hoạch vụ lúa chiêm.

c. Bên kia sườn núi, nhấp nhô mây ngôi nhà sàn.

- Lớp nhận xét.

- Chỉ đặc điểm, nơi chốn.

- HS đọc bài nêu yêu cầu.

- HS đọc thầm lại bài Ông tổ nghề thêu tìm câu trả lời viết vào vở.

- HS đọc câu mình vừa làm.

- Lớp nhận xét.

- HS nêu.

